PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiên bản 9.1
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/08/26
Ngày in 2026/08/28

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

1.1 Nhận dạng của sản phẩm

Tên sản phẩm : Egg yolk tellurite emulsion sterile, 20%, for microbiology

Số sản phẩm : 1.03785
Nhãn hiệu : Millipore

1.2 Các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất

chưa có dữ liệu

1.3 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo : Nghiên cứu/phân tích hóa sinh

1.4 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty : Công ty TNHH Merck Việt Nam
Tầng 21, Tòa nhà Ngôi nhà Đức
số 33, đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 740000
VIETNAM

Điện thoại : +84 28 3842 0100
Địa chỉ e-mail : technicalservice@merckgroup.com

1.5 Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số Điện thoại Khẩn cấp : ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117 *
CHEMTREC +65 3163 8374

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

Các yếu tố nhãn theo GHS

Không cần có hình ảnh nguy hiểm, từ tín hiệu, (các) tuyên bố về mối nguy và (các) tuyên bố thận trọng.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất	:	Hỗn hợp chất
Số CAS	:	Không được chỉ định

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Dipotassium trioxotellurate	7790-58-1	>= 0.1 -< 0.5

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp	:	Sau khi hít phải: không khí sạch.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da	:	Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.
Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt	:	Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gỡ bỏ kính áp tròng.
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa	:	Sau khi nuốt vào: cho nạn nhân uống nước (nhiều nhất hai cốc). Tham khảo ý kiến bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này	:	Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất được mô tả trên nhãn (tham khảo Phần 2 Các yếu tố nhãn theo GHS) và/hoặc Phần 11.
Bảo vệ người sơ cứu	:	Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Lưu ý đối với bác sỹ điều trị	:	chưa có dữ liệu

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp	:	Nước Bọt Carbon diôxit (CO2) Bột khô
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	:	Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	:	Hỗn hợp với các thành phần dễ cháy. Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Các chất độc được sinh ra khi bị cháy	:	Bản chất của sản phẩm phân hủy không được xác định.
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	:	Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	:	Trong trường hợp hỏa hoạn, đeo các dụng cụ thở cá nhân.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	:	Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Không được hít hơi, aerosol. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia. Hướng dẫn đối với những nhân viên thuộc ban phản ứng khẩn cấp: Sử dụng trang thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp như được quy định tại Mục 8.
Các cảnh báo về môi trường	:	Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.
Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố	:	Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Giữ vai trò là chất hấp thụ chất lỏng (ví dụ Chemizorb®). Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Tra cứu các biện pháp phòng ngừa trong phần Mục 2 Các yếu tố nhãn theo GHS

Các thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ	:	Đóng chặt.
Phân loại bảo quản	:	10, Các chất lỏng dễ cháy
Nhiệt độ lưu giữ đề nghị	:	Nhiệt độ lưu trữ được đề xuất nếu liên quan, xem nhãn sản phẩm.
Thêm thông tin về độ ổn định kho lưu trữ	:	Nhiệt độ lưu trữ được đề xuất nếu liên quan, xem nhãn sản phẩm.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho	Cơ sở

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

		nhiễm)	phép	
Dipotassium trioxotellurate	7790-58-1	TWA	0.1 mg/m3 (Telua)	ACGIH

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp : chưa có dữ liệu

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Không bắt buộc; ngoại trừ trường hợp có aerosol được tạo thành.

Bảo vệ tay

Vật liệu	:	Cao su nitrile
Thời gian thấm	:	480 min
Độ dày của găng	:	0.11 mm
Chỉ số bảo vệ	:	tiếp xúc hoàn toàn
Nhà sản xuất	:	KCL 741 Dermatril® L

Vật liệu	:	Cao su nitrile
Thời gian thấm	:	480 min
Độ dày của găng	:	0.11 mm
Chỉ số bảo vệ	:	tiếp xúc một lượng nhỏ
Nhà sản xuất	:	KCL 741 Dermatril® L

Ghi chú : Khuyến nghị này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong bảng dữ liệu an toàn và do chúng tôi cung cấp cũng như cho mục đích do chúng tôi chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các chất khác và trong các điều kiện khác với các điều kiện nêu trong EN 16523-1, vui lòng liên hệ với nhà cung cấp găng tay được CE phê duyệt (ví dụ: KCL GmbH, D-36124 Eichenzell, Internet: www.kcl.de).

Bảo vệ mắt : Sử dụng thiết bị bảo vệ mắt được thử nghiệm và phê duyệt theo tiêu chuẩn phù hợp của chính phủ như NIOSH (Hoa Kỳ) hoặc EN 166(EU).
Kính bảo hộ

Các biện pháp vệ sinh : Thay ngay quần áo bẩn. Rửa tay sau khi làm việc với hóa chất.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái : Nhũ tương

Màu sắc : màu vàng nhạt

Mùi đặc trưng : không mùi

Ngưỡng mùi : Không áp dụng được

Độ pH : chưa có dữ liệu

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Điểm nóng chảy	:	chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi	:	chưa có dữ liệu
Điểm cháy	:	chưa có dữ liệu
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	chưa có dữ liệu
Tính dễ cháy (chất lỏng)	:	chưa có dữ liệu
Tốc độ cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	:	chưa có dữ liệu
Mật độ	:	1.02 g/cm3 (20 °C)
Độ hòa tan trong nước	:	chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt, động lực	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt, động học	:	chưa có dữ liệu
Thời gian chảy	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	:	Không được phân loại là dễ nổ.
Đặc tính ôxy hóa	:	không
Đặc điểm hạt Kích thước hạt	:	chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Khả năng phản ứng	:	chưa có dữ liệu
Tính ổn định	:	Sản phẩm ổn định về mặt hóa học trong điều kiện môi trường chuẩn (nhiệt độ phòng).
Phản ứng nguy hiểm	:	Có thể phản ứng mạnh với: Chất phản ứng thường được biết đến của nước.
Các điều kiện cần tránh	:	không có thông tin
Vật liệu không tương thích	:	chưa có dữ liệu
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Đối với các sản phẩm cháy nguy hại trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn: xem Mục 5.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Hỗn hợp chất

Độc cấp tính
Ước lượng độc tính cấp Đường miệng - > 5,000 mg/kg
(Phương pháp tính toán)
Hít phải: chưa có dữ liệu
Da: chưa có dữ liệu

Ăn mòn/kích ứng da
chưa có dữ liệu

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt
chưa có dữ liệu

Kích thích hô hấp hoặc da
chưa có dữ liệu

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)
chưa có dữ liệu

Tác nhân gây ung thư
chưa có dữ liệu

Độc tính sinh sản
chưa có dữ liệu

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn
chưa có dữ liệu

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại
chưa có dữ liệu

Nguy hại hô hấp
chưa có dữ liệu

11.2 thông tin thêm

chưa có dữ liệu

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Thành phần

Dipotassium trioxotellurate

Độc cấp tính
Ước lượng độc tính cấp Đường miệng - 100.1 mg/kg
(Phán đoán chuyên môn)
LD50 Đường miệng - 100 mg/kg
Hít phải: chưa có dữ liệu
Da: chưa có dữ liệu

Ăn mòn/kích ứng da
Ghi chú: Gây kích ứng da.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt
Ghi chú: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Kích thích hô hấp hoặc da
chưa có dữ liệu

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)
chưa có dữ liệu

Tác nhân gây ung thư
chưa có dữ liệu

Độc tính sinh sản
chưa có dữ liệu

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn
Có thể gây kích ứng hô hấp. - Phổi

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại
chưa có dữ liệu

Nguy hại hô hấp
chưa có dữ liệu

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường
chưa có dữ liệu

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Thành phần:

Dipotassium trioxotellurate:
Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: Không áp dụng cho các chất vô cơ

Khả năng tích lũy sinh học

Thành phần:

Dipotassium trioxotellurate:
Hệ số phân tán: n-octanol/nước : Ghi chú: Không áp dụng cho các chất vô cơ

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Độ linh động trong đất
chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

Thành phần:

Dipotassium trioxotellurate:
Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

Đặc tính phá vỡ nội tiết
chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ
Chất thải từ cặn : Rác thải phải được vứt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khá c. Xử lý các hộp đựng bẩn giống như xử lý sản phẩm.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

IATA-DGR
Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Số UN/ID	:	Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp	:	Không áp dụng được
Hạng	:	Không áp dụng được
Nhóm phụ số	:	Không áp dụng được
Nhóm hàng	:	Không áp dụng được
Nhãn	:	Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay)	:	Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay)	:	Không áp dụng được

Mã IMDG
Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Số hiệu UN	:	Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp	:	Không áp dụng được
Hạng	:	Không áp dụng được
Nhóm phụ số	:	Không áp dụng được
Nhóm hàng	:	Không áp dụng được
Nhãn	:	Không áp dụng được
Mã EmS	:	Không áp dụng được
Chất ô nhiễm đại dương	:	Không áp dụng được

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Ghi chú	:	Không bị xếp vào loại nguy hiểm hiểu theo các quy định về vận tải.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật an toàn, sức khỏe và môi trường theo:
- Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;
- Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 1 năm 2026 của Chính phủ quy định các Danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 1 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;
- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 1 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;
- Nghị định số 28/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 1 năm 2026 của Chính phủy quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất;
- Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 1 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;
- Thông tư số 02/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 1 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số biện pháp thi hành Luật Hóa chất và Nghị định số 25/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;
- Hóa chất phải lập phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và xây dựng phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt (nếu có);
- Và các quy định của pháp luật có liên quan.

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Những thay đổi liên quan kể từ phiên bản trước

1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất	:	2026/08/26
Phiên bản	:	9.1
Ngày in	:	2026/08/28

Thông tin khác

Các thông tin khác	:	Các thông tin trên được cho là chính xác nhưng không có nghĩa là bao gồm tất cả và chỉ được sử dụng như một hướng dẫn. Thông tin trong tài liệu này dựa trên hiểu biết hiện tại chúng tôi và được áp dụng cho sản phẩm về các biện pháp phòng ngừa an toàn thích hợp. Thông tin này không phải là bảo đảm cho các đặc tính của sản phẩm. Sigma-Aldrich Corporation và các Chi nhánh sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào do quá trình xử lý hoặc do tiếp xúc với sản phẩm trên. Xem www.sigma-aldrich.com và/hoặc mặt sau của hóa đơn hoặc phiếu giao hàng để biết thêm các điều khoản và điều kiện bán hàng.

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada

Bản quyền 2025 của Sigma-Aldrich Co. LLC. Giấy phép được cấp để tạo nhiều bản sao bằng giấy cho mục đích sử dụng nội bộ.

Đầu mối	:	Soạn thảo bởi: Merck KGaA LS-QR-H Địa chỉ/Số điện thoại: 64271 Darmstadt Germany/+49 6151 72-0
Định dạng ngày tháng	:	năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ACGIH	:	Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH
ACGIH / TWA	:	8 giờ, trung bình tính theo thời gian

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hài hòa Toàn cầu; GLP -Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); LSPN - Danh sách các chất nguy hại được thông báo (Chile); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; MERCOSUR - Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

VN / VI

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada